

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 – ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2026/HS-ST

Ngày: 11- 9-2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Mai Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Thái;
2. Ông Lương Văn Ánh

- Thư ký phiên tòa: bà Hồ Thị Hoàng Sa – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 – Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 – Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 120/2026/TLST-HS ngày 22 tháng 8 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1061/2026/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 8 năm 2026 đối với bị cáo:

Nguyễn Tấn V, sinh ngày 03/6/1986 tại **xã T, thành phố Đà Nẵng**; nơi cư trú: **thôn K, xã T, thành phố Đà Nẵng**; nghề nghiệp: lao động tự do; số căn cước công dân: 049086007064 cấp ngày 22/02/2025, nơi cấp **Cục C – Bộ C1**; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn Tấn T**, sinh năm 1957 và bà **Võ Thị T1**, sinh năm 1958; bị cáo có vợ đã ly hôn, có 01 người con sinh năm 2009; tiền án: không; tiền sự: ngày 02/4/2018, bị **Công an huyện T**, Quảng Nam (cũ) xử phạt số tiền là 2.250.000 đồng theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 123/QĐ-XPHC, chưa chấp hành. Nhân thân: ngày 03/10/2002, bị đưa vào **Trường G**; ngày 27/10/2006, bị Tòa án nhân dân huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam (cũ) xử phạt 24 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo Bản án số 29/2006/HSST, chấp hành xong ngày 25/10/2007; ngày

21/9/2009, bị Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam (cũ) xử phạt 36 tháng tù về tội Cướp giật tài sản theo Bản án số 72/2009/HSST, chấp hành xong ngày 09/9/2011; ngày 24/01/2014, bị Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam (cũ) xử phạt 36 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” theo Bản án số 01/2014/HSST và bản án phúc thẩm số 60/2014/HSPT ngày 27/3/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam cũ, chấp hành xong ngày 24/4/2016; ngày 30/10/2018, bị Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam (cũ) xử phạt 03 năm 06 tháng về tội “Cố ý gây thương tích” theo bản án số 56/2018/HSST và Bản án số 11/2019/HS-PT ngày 16/01/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, chấp hành xong ngày 05/01/2022; ngày 13/3/2018, bị Công an huyện T, tỉnh Quảng Nam (cũ) xử phạt Cảnh cáo về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 110/QĐ-XPVPHC; ngày 05/5/2018, Công an huyện T, tỉnh Quảng Nam (cũ) xử phạt Cảnh cáo về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 60/QĐ-XPVPHC. Bị bắt tạm giữ ngày 13/5/2026, chuyển tạm giam ngày 22/5/2026. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Nguyễn Thị Thu T2, sinh năm 1987. Vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Tấn T, sinh năm 1957. Vắng mặt.

+ Bà Võ Thị T1, sinh năm 1958. Có mặt.

Cùng địa chỉ: thôn K, xã T, thành phố Đà Nẵng.

+ Anh Bùi Văn B, sinh năm 1976. Vắng mặt.

Địa chỉ: thôn H, xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 20 giờ 00 phút ngày 05/5/2026, bị cáo V điều khiển xe mô tô Yamaha Gravita biển số 82V1-1220 đi đến đường N phường T, thành phố Đà Nẵng tìm kiếm người bán ma túy để mua. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, bị cáo V đã mua được 01 (một) gói ma túy đá với giá 300.000 đồng của một người không rõ thông tin lai lịch tại đường N. Sau khi mua được ma túy, bị cáo V điều khiển xe mô tô đi về nhà. Trên đường về nhà, bị cáo điều khiển xe mô tô đi ngang qua nhà chị T2, gặp chị T2 và nói: “nhậu không? lên nhà anh”. Chị T2 đồng ý nhậu và nói “tí nữa lên”. Đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, chị T2 cầm theo 05 lon bia H đến nhà bị cáo V. Bị cáo V đem ra mấy trái mận. Sau khi nhậu xong, đến khoảng 23 giờ

30 phút cùng ngày, bị cáo **V** đi vào phòng ngủ của mình rồi lấy ra 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy tự chế và chuẩn bị gồm: 01 chai nhựa có chứa ít nước lọc bên trong có gắn nắp chai bằng nhựa bị đục thủng 02 lỗ tròn, 02 lỗ tròn của nắp chai được gắn với 01 ống hút nhựa và 01 ống nổ thủy tinh; 01 ống nhựa một đầu được quấn giấy bạc gắn vào 01 bật lửa nhựa màu xanh để trên sàn nhà. Sau đó, bị cáo **V** dùng bật lửa đốt rách gói ma túy đá đã mua được và đổ ma túy đá vào trong cái nổ thủy tinh. Sau khi chuẩn bị xong, bị cáo nói với chị **T2** “vào đây làm tí cho vui”. Nghe vậy, chị **T2** liền bước vào phòng ngủ của bị cáo, ngồi xuống nền nhà. Bị cáo **V** dùng bật lửa (có gắn ống nhựa được quấn giấy bạc) đốt cái nôi của nổ thủy tinh tạo ra khí rồi đưa miệng ngậm vào ống hút nhựa hút 01 hơi trước. Hút xong, bị cáo **V** dùng bật lửa đốt cái nôi của nổ thủy tinh tạo ra khí, đưa sang cho chị **T2** hút 01 hơi ma túy (tay bị can **V** cầm bộ dụng cụ). Chị **T2** hút xong, bị can **V** tự dùng bật lửa đốt cái nôi của nổ thủy tinh tạo ra khí cho bị can **Vũ** hút. Cứ như vậy cho đến khi hết lượng ma túy đá trong nổ thủy tinh. Bị cáo **Vũ** hút được 03 (ba) hơi ma túy đá. Chị **T2** hút được 02 (hai) hơi ma túy đá. Quá trình sử dụng ma túy, bị cáo **V** là người cầm công cụ và cầm bật lửa đốt cái nổ thủy tinh chứa ma túy để cho bị cáo và chị **T2** hút từng hơi ma túy. Chị **T2** chỉ có đưa miệng vào hút hai hơi ma túy chứ không có hành vi gì khác. Sau khi hút xong, chị **T2** đi về nhà, bị cáo **V** đi ngủ.

Ngày 12/5/2026, Công an xã **T** làm việc với bị cáo **V** và phát hiện bị cáo đang cất giấu 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy tự chế và 01 bật lửa nhựa màu xanh đã qua sử dụng ở trên tấm danh bê tông trên cửa sổ ngoài phòng ngủ của bị cáo. Công an xã tiến hành thử nước tiểu của bị cáo để test nhanh chất ma túy trong cơ thể. Kết quả: bị cáo **Vũ dương T3** với ma túy loại Methamphetamine.

Tại kết luận giám định số 862/KL-KTHS ngày 19/5/2026 của Phòng **K** Công an thành phố **Đ**, kết luận:

+ Chất bám dính màu nâu bên trong nổ thủy tinh gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, lượng bám dính ít nên không xác định được khối lượng.

+ Tìm thấy chất ma túy Methamphetamine trong mẫu nước tiểu thu giữ của **Nguyễn Tấn V**, **Nguyễn Thị Thu T2** gửi đi giám định.

Vật chứng thu giữ trong vụ án gồm: 01 (một) bộ dụng cụ để sử dụng trái phép chất ma túy tự chế gồm: 01 (một) nắp chai bằng nhựa màu xanh, trên nắp bị đục thủng 02 lỗ tròn; 01 (một) ống hút bằng nhựa và 01 (một) ống nổ thủy tinh được gắn vào 02 lỗ tròn của nắp chai nhựa trên; 01 (một) ống nhựa dài 05 cm một đầu được quấn giấy bạc (cây đèn) và 01 bật lửa nhựa màu xanh đã qua sử dụng.

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J4 đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong của **Nguyễn Tấn V** (đã trả lại cho chủ sở hữu).

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO A3s đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong của **Nguyễn Thị Thu T2** (đã trả lại cho chủ sở hữu).

+ 02 (hai) mẫu nước tiểu của **Nguyễn Tấn V** và **Nguyễn Thị Thu T2**.

+ 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Gravita biển số 82V1-1220, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong của ông **Bùi Văn B** (đã trả lại cho chủ sở hữu).

Tại Cáo trạng số 87/CT-VKSDNG-KV ngày 21 tháng 8 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Đà Nẵng đã truy tố bị cáo **Nguyễn Tấn V** phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Đà Nẵng vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố bị cáo tại Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo **Nguyễn Tấn V** phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

Căn cứ khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025 xử phạt bị cáo **Nguyễn Tấn V** mức án từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ.

Theo quy định tại khoản 5 Điều 255 Bộ luật Hình sự, hành vi của bị cáo có thể áp dụng hình phạt tiền bổ sung nhưng xét thấy bị cáo không có thu nhập ổn định nên không đề nghị áp dụng.

Về xử lý vật chứng: căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: tịch thu tiêu hủy: 01 (một) bộ dụng cụ để sử dụng trái phép chất ma túy tự chế gồm: 01 (một) nắp chai bằng nhựa màu xanh, trên nắp bị đục thủng 02 lỗ tròn; 01 (một) ống hút bằng nhựa và 01 (một) ống nỏ thủy tinh được gắn vào 02 lỗ tròn của nắp chai nhựa trên; 01 (một) ống nhựa dài 05 cm một đầu được quấn giấy bạc (cây đèn) và 01 bật lửa nhựa màu xanh đã qua sử dụng.

Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Đà Nẵng.

Bị cáo nói lời sau cùng: xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị **Nguyễn Thị Thu T2**, ông **Nguyễn Tấn T**, anh **Bùi Văn B** đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử xét thấy người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã có lời khai tại hồ sơ vụ án và sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 292 và 299 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025 tiến hành xét xử vắng mặt họ tại phiên tòa.

[2]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra **Công an thành phố Đ**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Đà Nẵng, Kiểm sát viên: trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3]. Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội đối chiếu với lời khai của người tham gia tố tụng khác, với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử kết luận:

Vào ngày 05/5/2026, bị cáo **V** đã có hành vi đi mua ma túy đá, chuẩn bị bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá, cầm bộ dụng cụ và đốt nỏ chứa ma túy cho chị **Nguyễn Thị Thu T2** sử dụng trái phép chất ma túy tại nhà của bị cáo.

Như vậy, hành vi trên của bị cáo **Nguyễn Tấn V** đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” quy định tại khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Cáo trạng số 87/CT-VKSDNG-KV ngày 21 tháng 8 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Đà Nẵng và quan điểm luận tội của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4]. Xét tính chất vụ án, hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được tác hại của chất ma túy, sự nguy hiểm của hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nhưng vẫn bất chấp thực hiện. Hành vi của bị cáo không những xâm phạm đến chính sách quản lý độc quyền của Nhà nước đối với các chất ma túy mà còn là nguy cơ tiềm ẩn các hành vi

vi phạm pháp luật khác. Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với tính chất và hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra.

[5]. Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thì thấy:

Bị cáo có nhân thân xấu, nhiều lần bị Tòa án xét xử về hành vi phạm tội và bị cơ quan công an xử phạt vi phạm hành chính.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, nên được áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025. Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025 cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo học tập, cải tạo trở thành người công dân tốt.

[6]. Về hình phạt bổ sung:

Theo quy định tại khoản 5 Điều 255 Bộ luật Hình sự, hành vi của bị cáo có thể áp dụng hình phạt tiền bổ sung nhưng xét thấy bị cáo có thu nhập không ổn định nên không áp dụng.

[7]. Về xử lý vật chứng: tịch thu tiêu huỷ: 01 (một) bộ dụng cụ để sử dụng trái phép chất ma túy tự chế gồm: 01 (một) nắp chai bằng nhựa màu xanh, trên nắp bị đục thủng 02 lỗ tròn; 01 (một) ống hút bằng nhựa và 01 (một) ống nỏ thủy tinh được gắn vào 02 lỗ tròn của nắp chai nhựa trên; 01 (một) ống nhựa dài 05 cm một đầu được quấn giấy bạc (cây đèn) và 01 bật lửa nhựa màu xanh đã qua sử dụng.

[8]. Những vấn đề khác trong vụ án:

Đối với chị **Nguyễn Thị Thu T2**: chị **T2** không góp tiền mua ma túy đá, không tham gia vào việc chuẩn bị công cụ sử dụng trái phép chất ma túy. Quá trình sử dụng ma túy, chị **T2** chỉ có hành vi hút 02 hơi ma túy đá do bị cáo **V** cầm bộ dụng cụ đốt ma túy đá đưa cho chị **T2** hút, ngoài ra chị **T2** không có hành vi gì khác. Đồng thời, chị **T2** không có tiền án, tiền sự gì và không thuộc trường hợp quy định tại Điều 256a Bộ luật Hình sự. Do đó, hành vi của chị **T2** là hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy nhưng không bị truy cứu trách nhiệm hình sự” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 30 Nghị định 282/2025/NĐ-CP, ngày 30/10/2025 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố Đ** đề nghị **Công an xã T** ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với chị **T2** về hành vi vi phạm hành chính nêu trên.

Đối với người bán ma túy đá cho bị cáo: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ đã tiến hành xác minh đối tượng có đặc điểm là nam giới cao khoảng 165 cm, ốm gầy, da ngăm đen, khuôn mặt dài, tóc đỉnh màu đen dài khoảng 03 cm và khoảng 35 tuổi trên tuyến đường N phường T, thành phố Đà Nẵng. Kết quả không xác minh được đối tượng có đặc điểm trên nên không có cơ sở xử lý.

Đối với anh Bùi Văn B: xe mô tô Yamaha Gravita biển số 82V1-1220 do anh B làm chủ sở hữu, nhưng cách đây nhiều năm anh B đã cho bị cáo Vũ M để đi lại. Anh B hoàn toàn không biết về việc bị cáo sử dụng xe mô tô trên đi mua ma túy đá vào ngày 05/5/2026. Do đó, Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Đ không xem xét đề nghị xử lý đối với anh B.

- Đối với ông Nguyễn Tấn T và bà Võ Thị T1: vào ngày 05/5/2026, ông T và bà T1 hoàn toàn không biết việc bị cáo V và chị T2 sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng ngủ của bị cáo V. Do đó, Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Đ không xem xét đề nghị xử lý đối với ông T và bà T1.

[9]. Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10]. Về quyền kháng cáo: bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331, Điều 332 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ căn cứ khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025; các Điều 106, 136, 260, 268, 269, 292, 299, 331, 332, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Tấn V phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn V 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ (13/5/2026).

2. Về xử lý vật chứng: tịch thu tiêu huỷ: 01 (một) bộ dụng cụ để sử dụng trái phép chất ma túy tự chế gồm: 01 (một) nắp chai bằng nhựa màu xanh, trên nắp bị đục thủng 02 lỗ tròn; 01 (một) ống hút bằng nhựa và 01 (một) ống nỏ thủy tinh được gắn vào 02 lỗ tròn của nắp chai nhựa trên; 01 (một) ống nhựa dài 05 cm một đầu được quấn giấy bạc (cây đèn) và 01 bật lửa nhựa màu xanh đã qua sử dụng.

(Vật chứng hiện đang tạm giữ tại Cơ quan điều tra Công an thành phố Đ).

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

4. Về quyền kháng cáo: căn cứ vào các Điều 331, 332 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (11/9/2026). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 2, 6 và 36 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT về hình sự;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng;
- VKSND khu vực 6 - Đà Nẵng;
- Phòng THADS khu vực 6 - Đà Nẵng;
- Cơ quan CSĐT Công an TP. Đà Nẵng;
- Phòng PV06 Công an TP. Đà Nẵng;
- Bị cáo, người TGT khác;
- Lưu hồ sơ vụ án; án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mai Loan